TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23-5-2022
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồ Cảnh

Bà Nguyễn Thị Quế Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên toà.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2022/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trương Thị V, sinh năm 1992;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Bản Phẩy Thái M, xã Tiên K, huyện Tân K, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ cư trú hiện nay: Aichi ken Niwa-gun Fusō-chō Ōaza Kashiwamon ji Hiratsuka 388-banchi Village house 2 301-gō, Nhật Bản; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Lương Văn H, sinh năm 1989;

Địa chỉ cư trú: Bản Phẩy Thái M, xã Tiên K, huyện Tân K, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn trình bày, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị xét xử vắng mặt (có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản), nguyên đơn Chị Trương Thị V trình bày:

Chị và Anh Lương Văn H chung sống như vợ chồng và có quan hệ trước khi kết hôn. Đến ngày 04 tháng 7 năm 2011, chị và anh H đi đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân xã Tiên K, huyện Tân K, tỉnh Nghệ An. Ban đầu khi mới lấy nhau dù kinh tế khó khăn nhưng cuộc sống vợ chồng luôn êm ấm, hạnh phúc. Để cải thiện kinh tế gia đình, chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ tháng 11/2017 cho đến nay. Đến đầu năm 2020, do vợ chồng sống xa nhau nên thường xuyên bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài, đối xử thiếu tôn trọng nhau. Hiện tại, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Lương Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Lương Tuyết Đ, sinh ngày 24/10/2011. Hiện con chung đang ở với anh H và được anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị và anh H thỏa thuận giao con chung cho Anh Lương Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trương Thị V đang cư trú tại Nhật Bản, do bận công việc, kinh tế khó khăn nên chị không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, chị ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Số 64, đường Nguyễn Thái Học, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nộp đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, tài liệu, tạm ứng án phí và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị.

Theo bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Anh Lương Văn H trình bày:

Anh và Chị Trương Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiên K, huyện Tân K, tỉnh Nghệ An vào ngày 04 tháng 7 năm 2011. Sau khi kết hôn, mặc dù kinh tế khó khăn nhưng vợ chồng vẫn sống hạnh phúc. Để cải thiện kinh tế gia đình, đến tháng 11/2017 chị Vân đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Đầu năm 2020, vợ chồng phát sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh muốn chị Vân về Việt Nam để đoàn tụ gia đình nhưng chị Vân không đồng ý dẫn đến mâu thuẫn kéo dài. Hiện tại, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Vân yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và Chị Trương Thị V có 01 con chung là Lương Tuyết Đ, sinh ngày 24/10/2011. Hiện con chung đang ở với anh và do anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến lúc trưởng thành và không yêu cầu chị Vân phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lương Văn H có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nhưng do bận công việc nên anh không thể trực tiếp tham gia phiên tòa. Vì vậy, anh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trương Thị V hiện đang cư trú tại nước Nhật Bản làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Lương Văn H có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 39, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì Chị Trương Thị V không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài và đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Trương Thị V đang cư trú tại nước Nhật Bản đã ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Số 64, đường Nguyễn Thái Học, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nộp đơn khởi kiện ly hôn, đơn trình bày, bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giấy ủy quyền, tài liệu (có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản) cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Lương Văn H có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam đã nộp bản tự khai, nhưng do bận công việc nên anh có đơn xin xét xử vắng mặt. Các đương sự phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về các tài liệu và chứng cứ mà các bên đã nộp cho Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị V và Anh Lương Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiên K, huyện Tân K, tỉnh Nghệ An vào ngày 04 tháng 7 năm 2011, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, mặc dù kinh tế khó khăn nhưng vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc. Để cải thiện kinh tế gia đình, tháng 11/2017 chị Vân đi xuất khẩu lao động sang nước Nhật Bản. Đến đầu năm 2020, vợ chồng phát sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống xa nhau nên

thường xuyên bất đồng quan điểm sống, đối xử thiếu tôn trọng nhau. Về phía anh H muốn chị Vân về Việt Nam để đoàn tụ gia đình nhưng chị Vân không đồng ý, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị Vân nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được xin ly hôn với anh H. Xét thấy, hôn nhân giữa Chị Trương Thị V và Anh Lương Văn H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Trương Thị V yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Trương Thị V và Anh Lương Văn H có 01 con chung. Hiện con chung đang ở với anh H và được anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn, thì chị Vân và anh H thỏa thuận: Giao cho Anh Lương Văn H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lương Tuyết Đ, sinh ngày 24/10/2011 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vân và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án giải quyết.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trương Thị V và Anh Lương Văn H không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Trương Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Chị Trương Thị V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị V và Anh Lương Văn H được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau:

Chị Trương Thị V và Anh Lương Văn H có 01 con chung;

Giao cho Anh Lương Văn H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lương Tuyết Đ, sinh ngày 24/10/2011 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vân và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, Chị Trương Thị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trương Thị V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011685 ngày 15/3/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Trương Thị V đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị V có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh Lương Văn H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Tiên K, huyện Tân K;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Quỳnh